TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2023/HNGĐ-PT
Ngày 23-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.

Bà Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện L, Hòa Bình; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư Đ; Địa chỉ: Phòng 601, Tòa H, số 300 đường N, xã T, huyện T, TP. Hà Nội. "Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2022, có mặt".

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế Ng, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 1, ngõ 6, tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ê, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số nhà 1, ngõ 6, tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, "có mặt".

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1947; Địa chỉ: Đ, D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu Ngân trình bày:

Ngày 17/12/2009, chị N và anh Nguyễn Thế Ng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi về sống chung với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến cuối năm 2021, ba mẹ con chị về sống với bố mẹ đẻ của chị tại thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị và anh Ng có hai con chung là cháu Nguyễn Thế D, sinh ngày 09/01/2011 và cháu Nguyễn Thế Đ1, sinh ngày 30/9/2017. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là muốn nuôi cả hai cháu. Nếu anh Ng muốn nuôi con thì chị xin nuôi cháu bé, còn anh Ng nuôi cháu lớn.

Về tài sản chung của vợ chồng:

- 01 thửa đất số 572, diện tích 331,8m^2 tại số 1, tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trên đất có nhà cấp 4, bếp lợp proxi măng xây năm 2000 đã cũ, năm 2018 anh chị lợp mái tôn và một số đồ dùng sinh hoạt trong nhà. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất, chị lấy phần đất không có nhà, anh Ng lấy phần đất có nhà vì anh Ng đang nuôi mẹ già yếu. Trường hợp anh Ng muốn xây nhà mới thì anh Ng lấy phần đất chưa có nhà còn chị lấy phần đất có nhà. Ngôi nhà cấp 4, bếp, mái tôn, đồ dùng sinh hoạt đã cũ, ai lấy phần đất có nhà thì sử dụng, còn giá trị thực tế sử dụng như thế nào thì ai ở tự đưa cho người còn lại. Tuy nhiên khi chia đôi đất sẽ bị chia một phần nhà nên chị đồng ý để anh Ng tiếp tục ở tại phần nhà bị chia trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày phân chia xong.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Vespa, BKS 28G1-062.68 và 01 xe máy nhãn hiệu SIDI, BKS 28F3-0554 đều mang tên chị. Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị có vay Ngân hàng 500.000.000 đồng, anh T1 200.000.000 đồng, bác M 50.000.000 đồng.

Vay của ông Đ 170.000.000 đồng để trả anh T1. Bác M và bà Ê cho vay 420.000.000 đồng để trả số nợ còn lại của ngân hàng.

Hiện nay, anh chị còn nợ ông Đ 170.000.000 đồng và bà Ê cho vay 420.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị đề nghị mỗi người trả một nửa, chị và anh Ng mỗi người có trách nhiệm trả ông Đ 85.000.000 đồng và bà Ê 210.000.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Thế Ng trình bày:

Anh và chị N kết hôn ngày 03/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống bình thường, đến tháng 12/2021 anh bị covid phải điều trị tại bệnh viện nên không về nhà được, hai bên có nhắn tin lời qua tiếng lại. Đến 24/12/2021 anh về thì thấy chị N đưa các con về ngoại ở. Anh vẫn quan tâm, yêu thương vợ con nhưng nếu chị N muốn ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Đúng như chị N trình bày. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh muốn nuôi cháu Nguyễn Thế D, cháu Nguyễn Thế Đ1 còn nhỏ nên ở với mẹ. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

- Nguồn gốc thửa đất tại số nhà 1, tiểu khu 11, thị trấn L là do năm 2018 bố anh mất, mẹ anh là bà Nguyễn Thị Ê đã bán nhà ở Y, T, Hà Nội để mua nhà ở L để ở cùng anh. Thời điểm chưa bán được nhà ở Y anh chị có vay ngân hàng 500.000.000 đồng, vay chị T 200.000.000 đồng, vay bác M 50.000.000 đồng. Tổng là 750.000.000 đồng. Sau đó vay bố vợ anh là ông Đ 170.000.000 đồng để trả bớt khoản vay của chị T và bác M.

Đến cuối năm 2021, bà Ê bán được nhà đã đưa cho vợ chồng anh 420.000.000 đồng. Sau khi ly hôn anh muốn ở phần đất có nhà, còn chị N ở phần đất không có nhà. Trên đất có ngôi nhà cấp 4, bếp tạm đã hết khấu hao, năm 2018 vợ chồng anh có làm thêm mái tôn. Tại biên bản định giá thì ngôi nhà, bếp, mái tôn xây mới có giá là 402.114.000 đồng, tuy nhiên tài sản trên đều hết khấu hao nên anh tự đưa ra giá trị thực tế sử dụng còn lại khoảng 50.000.000 đồng.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Vespa, BKS 28G1-062.68 và 01 xe máy nhãn hiệu SIDI, BKS 28F3-0554 đều mang tên chị N. Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh kê khai hiện còn nợ của ông Nguyễn Minh T 250.000.000 đồng, ông Đ 170.000.000 đồng, bà Ê 420.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh nhất trí ý kiến của chị N, anh và chị N mỗi người trả bà Ê 210.000.000 đồng, trả ông Đ 85.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Ê (mẹ đẻ anh Ng): Nhất trí việc chị N xin ly hôn với anh Ng. Chị N, anh Ng đã vay bà số tiền 420.000.000 đồng để mua đất, nay hai vợ chồng ly hôn thì chị N và anh Ng mỗi người phải trả cho bà số tiền là 210.000.000 đồng đã vay.

- Ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ chị N): Tháng 8/2018, chị N và anh Ng có vay của ông số tiền 170.000.000 đồng để mua đất ở tiểu khu 11, thị trấn L nên anh Ng và chị N phải trả cho ông số tiền đã vay.

- Ông Nguyễn Văn T: Ngày 12/8/2018 ông có cho bà Ê và anh Ng vay số tiền 250.000.000 đồng để mua đất đến nay chưa trả. Khi vay không có mặt chị N, việc bà Ê, anh Ng vay tiền của ông không liên quan đến chị N. Ông không yêu cầu chị N phải có trách nhiệm.

Tại Biên bản thẩm định, định giá ngày 22/12/2022 kết luận:

- Về đất, qua khảo sát giá thị trường đối với thửa đất 572 tại tiểu khu 11 có giá là 4.300.000đ/m^2: 338,1m^2x 4.300.000đ/m^2= 1.426.740.000đ.

- Về tài sản trên đất, nhà xây mới có giá là 360.457.000đ. Nhà bếp giá 23.660.000đ. Mái hiên tôn có giá 17.997.000đ.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình quyết định: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thu N và anh Nguyễn Thế Ng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế D, sinh ngày 09/01/2011 cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thế Đ1, sinh ngày 30/9/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Thế Ng quản lý, sử dụng 206,4m^2 đất. Trên đất có căn nhà cấp 4, bếp và toàn bộ công trình phụ trợ tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số F-48-116-146-a-I Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 927733 cấp ngày 01/12/2022, địa chỉ: tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Anh Ng phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị N số tiền 199.150.000 đồng.

- Giao cho chị Nguyễn Thu N sử dụng 125,4m^2 đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số F-48-116-146-a-I Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 927733 cấp ngày 01/12/2022, địa chỉ: tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Về nợ chung:

- Buộc chị N trả bà Ê số tiền 210.000.000đ, trả ông Đ1 số tiền 85.000.000đ (ông Đ1 xác nhận đã nhận đủ của chị N).

- Buộc anh Ng trả bà Ê số tiền 210.000.000đ, trả ông Đ1 số tiền 85.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, quyền xin thay đổi nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, về chi phí thẩm định định giá tài sản, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/3/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thu N kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho chị quản lý, sử dụng 206,4m^2 đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số F-48-116-146-a-I Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 927733 cấp ngày 01/12/2022, địa chỉ: tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Toàn bộ tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4, bếp và toàn bộ công trình phụ trợ, anh Ng nhận phần đất 125,4m^2

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự giữ nguyên nội dung đã trình bày, người kháng cáo giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Bị đơn anh Ng trình bày: Anh không đồng ý với toàn bộ kháng cáo của chị N. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phát sinh mâu thẫu, chị N và các con đã về sống với bố mẹ đẻ tại xóm S, xã N, huyện L từ tháng 12/2021 cho đến nay, còn anh Ng vẫn đang sinh sống cùng mẹ là bà Ê tại căn nhà chung của vợ chồng. Cấp sơ thẩm đã quyết định cháu Đ1 ở với chị N còn cháu D ở với anh Ng, hiện tại cháu Đ1 đang học tại xã N còn cháu D học tại thị trần L, việc phân chia tài sản theo án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Chị N không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 20/02/ 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định nguyên đơn chị Nguyễn Thu N có đơn kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Chị N và anh Ng đều trình bày: Tài sản nhà đất của vợ chồng được mua từ năm 2018 bao gồm tiền của vợ chồng, vay mượn người thân trong gia đình, và ngân hàng, sau đó bà Ê có cho vay 420.000.000 đồng để trả nợ khoản vay của ngân hàng và bà Ê đã đến ở cùng vợ chồng chị N anh Ng.

Bà Ê trình bày: Việc chị N và anh Ng mua nhà đất là có sự thống nhất trong gia đình, năm 2018 bố anh Ng mất, bà đã bán ngôi nhà tại quê ở Y, huyện T, Hà Nội để có tiền cho chị N anh Ng trả nợ ngân hàng, nguyện vọng của bà là khi phân chia tài sản của vợ chồng thì anh Ng được chia phần có ngôi nhà để bà ở cùng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N trình bày hiện tại cháu D được giao cho bố nuôi dưỡng nhưng cháu không ở với bố mà ở với mẹ và em, chị phải nuôi hai con nhỏ, rất cần phần đất có ngôi nhà để đảm bảo việc chăm sóc cũng như học tập của các con.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi tình cảm vợ chồng mâu thẫu, chị N và các con đã về sống cùng với bố mẹ đẻ tại S, xã N, huyện L từ tháng 12/2021 cho đến nay, còn anh Ng ở cùng mẹ là bà Ê tại căn nhà chung của vợ chồng, Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị N cũng đã có ý kiến là chị N sẽ lấy phần đất trống, giao cho anh Ng phần đất có nhà để bà Ê ở cùng vì bà đã già yếu.

Cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Đ1 sinh năm 2017 ở với chị N còn cháu D sinh năm 2011 ở với anh Ng, hiện tại cháu Đ1 đang học tại xã N còn cháu D học tại thị trấn L, như vậy cả chị N và anh Ng đều có nghĩa vụ nuôi con sau ly hôn, chị N và anh Ng đồng ý không có kháng cáo về nội dung này.

Căn cứ vào điều kiện thực tế, đảm bảo cuộc sống ổn định của các bên, thuận tiện cho việc học tập của các con cũng như việc nuôi dưỡng mẹ già của anh Ng, cấp sơ thẩm đã xét xử giao phần đất có nhà cho anh Ng sử dụng và buộc anh Ng phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thu N là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể:

Giao cho anh Nguyễn Thế Ng quản lý, sử dụng 206,4m^2 đất. Trên đất có căn nhà cấp 4, bếp và toàn bộ công trình phụ trợ tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số F-48-116-146-a-I Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 927733 cấp ngày 01/12/2022, địa chỉ: tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có tứ cận như sau: Phía bắc giáp nông trường C rộng 7,18m; Phía nam giáp đường bê

tông rộng 7,69m; Phía đông giáp thửa đất nhà bà H dài 7,52m + 7,65m + 11,9m; Phía tây giáp đất của chị N dài 27,55m. Anh Ng phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị N số tiền 199.150.000 đồng.

Giao cho chị Nguyễn Thu N sử dụng 125,4m^2 đất tại thửa đất số 572, tờ bản đồ số F-48-116-146-a-I Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 927733 cấp ngày 01/12/2022, địa chỉ: tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có tứ cận như sau: Phía bắc giáp nông trường C rộng 4,24m; Phía nam giáp đường bê tông rộng 4,90m; Phía đông giáp đất của anh Ng dài 27,55m; Phía tây giáp đất của ông bà N-H dài 27,55m.

(Hiện trạng thửa đất theo Biên bản trích đo ngày 15/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Hòa Bình và ngày 03/01/2023 - bl 143).

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Ngân phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thu N; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Được đối trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005457 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/6/2023.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS H Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quang Tuấn